

Bản án số: 101/2021/HS-ST

Ngày 02/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Nguyễn Thị Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HS ngày 13/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HS ngày 22/10/2021 đối với bị cáo:

Bùi Hữu Q, sinh ngày 06/01/1995 tại huyện T1, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Hữu T2 (sinh năm 1951) và bà Hồ Thị M (sinh năm 1951); Tiền án: Bản án số 85/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt Bùi Hữu Q 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2018; Bản án số 100/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T1, xử phạt Bùi Hữu Q 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2020; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/4/2017 bị Công an huyện T1 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 26/7/2021 đến ngày 29/7/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T1, tỉnh B. *(Có mặt)*

* *Bị hại:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh B. *(Vắng mặt)*

* *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T1, tỉnh B. *(Vắng mặt)*

+ Anh Lê Văn Q1, sinh năm 1992 ; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh B. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25/7/2021, Bùi Hữu Q đi đến nhà bà Vũ Thị N để chơi với anh Lê Văn Q1 (là con trai bà N). Đến khoảng 14 giờ thì Bùi Hữu Q ra về, cùng lúc này thì bà N cũng ra khỏi nhà đi làm. Khoảng ít phút sau thì Bùi Hữu Q quay lại nhà anh Lê Văn Q1 xin ngủ nhờ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi anh Lê Văn Q1 đi câu cá, Bùi Hữu Q ở trong nhà một mình. Phát hiện thấy cửa tủ trong phòng ngủ của anh Lê Văn Q1 không khóa nên Bùi Hữu Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q mở cánh tủ, lục tìm tài sản thì phát hiện thấy ở trong túi áo khoác, có 01 túi vải màu đen, bên trong có số tiền 15.000.000 đồng. Q lấy toàn bộ số tiền rồi cất giấu vào trong túi áo chống nắng đang mặc, tiếp tục nằm ngủ tại giường. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, thì anh Lê Văn Q1 trở về nhà, Bùi Hữu Q ra vườn cùng đào giun với anh Lê Văn Q1 được 10 phút thì Bùi Hữu Q đi về nhà. Số tiền trộm cắp được, Q đã sử dụng 1.500.000 đồng mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 ở cửa hàng điện thoại của anh S và chi tiêu cá nhân hết số tiền 2.250.000 đồng. Đến tối ngày 25/7/2021 bà N phát hiện bị mất tiền, nên đã có đơn trình báo đến Công an xã T. Ngày 26/7/2021 Công an xã T đã triệu tập Q lên làm việc, kiểm tra phát hiện trên người Q có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và số tiền 11.250.000 đồng. Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 15.000.000đ đã lấy của bà N.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKSTT ngày 11/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Bùi Hữu Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Hữu Q đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Hữu Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2021, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bà N đã đồng ý nhận chiếc điện thoại di động Iphone 6 mà Q đã mua bằng tiền trộm cắp và số tiền 11.250.000đ. Bà N không yêu cầu Q phải bồi thường gì thêm. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận các bên đã thỏa thuận bồi thường xong. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa: Xét thấy các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Tại giai đoạn điều tra, truy tố đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã T, Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu, bản ảnh vật chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 25/7/2021, Bùi Hữu Q đã có hành vi trộm cắp số tiền 15.000.000đ của bà Vũ Thị N, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trong khi đang có 02 tiền án thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a,.....

.....

g, Tái phạm nguy hiểm

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi

phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng có hai tiền án và từng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính, do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà N đã đồng ý nhận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mà Q mua bằng số tiền trộm cắp được và 11.250.000đ, bà N không yêu cầu Q phải bồi thường thêm bất cứ một khoản tiền nào khác. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bà N về việc bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, bà Vũ Thị N đã đề nghị Cơ quan điều tra trả cho bà 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu bạc đã qua sử dụng có số Imei: 358359062865496 ghi trên vỏ kèm 01 sim điện thoại là đồ vật Q đã dùng số tiền 1.500.000đ trộm cắp được của bà N mua cùng số tiền 11.250.000 đồng còn lại trong số tiền 15.000.000đ Q đã trộm cắp của bà N và không có yêu cầu gì khác. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số vật chứng trên cho bà N quản lý và sử dụng theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 30/7/2021 là đúng quy định của pháp luật nên không cần đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu Q 03 (Ba) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ theo trường hợp khẩn cấp ngày 26/7/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Xử xác nhận việc bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh B tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Hữu Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/11/2021). Bà Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh